

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Số CAS: Hỗn hợp chất, có thành phần Methylene Chloride

Số UN: 1593

Số đăng ký EC: Hỗn hợp chất

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thương gọi của chất:	Keo dán Mica PLEX.50	Mã sản phẩm: PLEX.50
Tên thương mại:	PLEX.50	
Đơn vị sản xuất: Cơ sở sản xuất tư nhân Vân Trường Đ/c: Phú Thứ, Thường Tín, Hà Nội	Mục đích sử dụng: Keo dán nhanh, không tạo phấn, chịu độ ẩm môi trường cao, tạo mối dán đồng nhất, ít bọt, chuyên dụng cho mica poly-acrylic và poly-styrene.	
Đơn vị phân phối: PROCIS Co., Ltd C13, TT Hóa chất, ngõ 34, phố Nghĩa Đô, Cầu Giấy, HN		

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% w)
Methylene Chloride	75-09-2	CH ₂ Cl ₂	25 - 35
Methyl Ethyl Ketone	78-93-3	C ₄ H ₈ O	25 - 35
a-Cyanoacrylate	7085-85-0	C ₆ H ₇ O ₂	30 - 40
Others below reportable level			< 10

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hại theo GHS:

Nguy hại vật lý:	Không phân loại		
Nguy hại sức khỏe:	Ăn mòn / gây rát da: Loại 3	Nguy hại / gây rát mắt:	Loại 2
Nguy hại về môi trường:	Không phân loại		

2. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS:

Hình đồ cảnh báo:	
Từ cảnh báo:	CẢNH BÁO
Thông tin cảnh báo:	Gây kích ứng da, rát mắt. Có thể gây khó thở khi hít phải nhiều và liên tục

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

Đường mắt:	Gây rát mắt khi tiếp xúc
Đường thở:	Gây khó thở khi hít phải nhiều và liên tục
Đường da:	Gây kích ứng da khi tiếp xúc
Đường tiêu hóa:	Gây ảnh hưởng tới hệ tiêu hóa nếu nuốt phải

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp gây vào mắt	Dùng nước rửa mắt liên tục 15 phút. Khám bác sỹ nếu triệu chứng kích ứng dai dẳng.
Trường hợp tiếp xúc trên da	Rửa sạch hóa chất bằng nước với xà phòng. Khám bác sỹ nếu có triệu chứng kích ứng da dai dẳng. Giặt sạch quần áo nhiễm bẩn trước khi dùng lại.
Trường hợp hít phải	Chuyển đến nơi không khí trong lành. Gọi bác sỹ nếu cần.
Trường hợp nuốt phải	Súc miệng bằng nước sạch, không cố gây nôn, khám bác sỹ nếu nuốt nhiều.
Lưu ý với bác sỹ điều trị	Không chỉ định.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Xếp loại về tính cháy	Chất có thể cháy nếu tiếp xúc nguồn nhiệt cao liên tục. Tự tắt khi hết nguồn nhiệt.
Sản phẩm tạo ra khi bị cháy	Khí CO, CO ₂ , HCl, Nước
Các tác nhân gây cháy, nổ	Nguồn lửa liên tục.

Các chất dập cháy thích hợp	Dập lửa với cacbon điôxit, bột chữa cháy dạng khô, nước phun sương
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	Quần áo chữa cháy chuyên dụng, mặt nạ phòng độc.
Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ	Không.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Phòng ngừa cá nhân	Người không có nhiệm vụ không nên tiếp cận sản phẩm. Làm việc và lưu trữ ở nơi thoáng khí. Tránh xa các nguồn nhiệt và tránh đổ tràn để bảo vệ môi trường.
Khi tràn đổ ở mức nhỏ	Lau bằng các vật liệu thấm hút (như vải, xốp). Rửa khu vực tràn bằng nước sạch.
Khi tràn đổ ở diện rộng	Ngưng ngay dòng chảy nếu việc này không có rủi ro. Tạo đê ngăn vùng sản phẩm bị đổ nếu có thể. Thấm hút vào cát hoặc đất khô và bỏ vào trong các thùng chứa. Sau khi thu hồi các vật thải, rửa sạch vùng đổ tràn với nước. Ngăn không cho thải vào cống rãnh. Xử lý chất thải như chất thải nguy hại.

VII. YÊU CẦU KHI LÀM VIỆC VÀ CẤT GIỮ

Yêu cầu khi làm việc	Làm việc nơi thoáng khí, không ăn uống hút thuốc khi làm việc. Tránh hít phải hơi. Hơi sản phẩm nặng hơn không khí, có thể tích tụ ở nơi trũng thấp. Tránh làm việc ở gần các nguồn nhiệt cao.
Cất giữ và bảo quản	Lưu trữ trong dụng cụ chứa ban đầu của Nhà sản xuất. Có thể chiết rót sang chai lọ PE, PP, kim loại để dùng trong ngày. Không chứa trong các chai lọ nhựa khác. Bảo quản nơi thoáng mát, nhiệt độ < 30 oC.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Giới hạn phơi nhiễm (theo OSHA PEL)	Methylene Chloride: 25 ppm 8 giờ	Methyl Ethyl Ketone: 200 ppm 8 giờ	Acrylic Monomer: 100 ppm 8 giờ
Biện pháp hạn chế tiếp xúc	Giữ các nhân viên không liên quan tránh xa. Thông gió toàn bộ đầy đủ.		
Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ hóa chất được khuyến dùng. - Bảo vệ hô hấp: Mặt nạ bảo hộ khi làm việc nơi không đủ thoáng khí. - Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ. - Bảo vệ tay: Găng tay bảo hộ. - Bảo vệ chân: Ủng bảo hộ. 		
Bảo hộ khi xử lý sự cố	Trang bị như khi tiếp xúc.		
Các biện pháp vệ sinh	Sử dụng theo các điều lệ về an toàn và vệ sinh. Luôn luôn tuân thủ các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt như rửa tay sau khi sử dụng hóa chất và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Giặt quần áo làm việc và các đồ bảo hộ để loại bỏ các chất gây ô nhiễm theo định kỳ.		

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý:	Chất lỏng	Điểm sôi (°C):	~ 70 oC
Màu sắc:	Trong suốt	Điểm nóng chảy (°C):	~ (-100) oC
Mùi:	Đặc trưng	Điểm bùng cháy (°C):	không áp dụng
Áp suất hơi (mm Hg):	~ 300 @ 20 oC	Nhiệt độ tự cháy (°C):	không áp dụng
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1):	> 2 (theo MC)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên:	không áp dụng
Độ hòa tan trong nước:	Tan một phần	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới:	không áp dụng
Độ pH:	Không áp dụng	Tỷ lệ hóa hơi:	> 1 (BUAC = 1)
Khối lượng riêng (kg/m³):	1.20 ± 0.05	Các tính chất khác nếu có:	không

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Tính ổn định	Vật liệu bền trong tình trạng bình thường
Khả năng phản ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng phân hủy và sản phẩm phân hủy: không có trong điều kiện thường. - Các phản ứng nguy hiểm: không có trong điều kiện thường. - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại: không có - Phản ứng trùng hợp: không có

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Methylene Chloride	LD50	2500 mg/kg	Nuốt	Chuột
Methyl Ethyl Ketone	LD50	2483 mg/kg	Nuốt	Chuột

a-Cyanoacrylate	LD50	5000 mg/kg	Nuốt	Chuột
Các ảnh hưởng mãn tính với người		Phân loại 2B theo IARC (Methylene Chloride)		

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Chu kỳ ảnh hưởng	Sinh vật thử
Methylene Chloride	EC50	140 mg/l	48 giờ	Rận nước
Methyl Ethyl Ketone	LC50	3220 mg/l	96 giờ	Cá nước ngọt
a-Cyanoacrylate	LC50	---	---	---


2. Tác động trong môi trường: Không có thông tin.

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: Không áp dụng
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không có thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Thông tin quy định tiêu hủy:** Thải bỏ sản phẩm/ thùng chứa tuân theo các quy định sở tại/ vùng/ quốc gia/ quốc tế. Thải bỏ sản phẩm/ thùng chứa (tuân theo các quy định liên quan). Không được thải bỏ vào cống rãnh, đường nước thải.
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** không áp dụng
- Biện pháp tiêu hủy:** như dung môi hữu cơ
- Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** không áp dụng

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển VN	1593	Hỗn hợp chất có Methylene Chloride	Nhóm 3, tiểu mục 6.1	PG.III		không quy định
Quy định về vận chuyển q.tế	1593	Hỗn hợp chất có Methylene Chloride	Nhóm 3, tiểu mục 6.1	PG.III		không quy định

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới:**
 Nghị định Montreal: Không biết Hiệp định Rotterdam: Không biết Hiệp định Stockholm: Không biết
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** Không biết rõ
- Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:** Không biết rõ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 20 – 11 – 2023

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: PROCIS Co., Ltd

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.